



Công ty Cổ phần Âu Lạc

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010



Công ty Cổ phần Âu Lạc
Thông tin Công ty

Giấy chứng nhận 4103001176 ngày 4 tháng 9 năm 2002
Đăng ký kinh doanh số 4103001176 (thay đổi lần thứ 9) ngày 26 tháng 1 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và điều chỉnh.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Mạnh Thảo	Chủ tịch
	Ông Hứa Đạt	Thành viên (đến ngày 29 tháng 6 năm 2010)
	Ông Phạm Văn Tám	Thành viên (đến ngày 29 tháng 6 năm 2010)
	Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
	Ông Trần Minh Hà	Thành viên (đến ngày 29 tháng 6 năm 2010)
	Ông Kim A. Odhner	Thành viên (đến ngày 29 tháng 6 năm 2010)
	Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên (từ ngày 30 tháng 6 năm 2010)
	Ông Trần Lê Khánh	Thành viên (từ ngày 30 tháng 6 năm 2010)
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên (từ ngày 30 tháng 6 năm 2010)	

Ban Giám đốc	Ông Hứa Đạt	Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2010)
	Ông Trần Phong Lan	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 2 năm 2010 đến ngày 18 tháng 1 năm 2011)
	Ông Nguyễn Phan Minh Khôi	Tổng Giám đốc (từ ngày 19 tháng 1 năm 2011 đến ngày 8 tháng 4 năm 2011)
	Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc (từ ngày 8 tháng 4 năm 2011)
	Ông Mai Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 4 năm 2011)
	Ông Hoàng Kim Chương	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 6 năm 2010)

Trụ sở đăng ký 92Bis Trần Quốc Toản
Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Âu Lạc**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng quản trị phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 4 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Hội đồng quản trị, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở cho ý kiến loại trừ

Chúng tôi đề cập đến thuyết minh số 20 trong báo cáo tài chính này trong đó trình bày việc Công ty đã hoãn lại khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện 8.575.644.732 VNĐ phát sinh từ việc đánh giá lại cuối năm các khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Việc hoãn lại này không tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*. Chuẩn mực này yêu cầu tất cả các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phải được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trên được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thì tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm về không và lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm 6.431.733.549 VNĐ (sau khi trừ ảnh hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp là 2.143.911.183 VNĐ).

Công ty đã không lập dự phòng cho một khoản phải thu khó đòi là 3.065.333.335 VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản phải thu này đã quá hạn hơn ba năm. Theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, khoản phải thu này cần được lập dự phòng toàn bộ. Nếu khoản dự phòng này được lập, tài khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm 3.065.333.335 VNĐ và lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm 2.299.000.001 VNĐ (sau khi trừ ảnh hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp là 766.333.334 VNĐ).

D:\0
C
C
Â
C
C
C

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính của các vấn đề được nêu tại phần Cơ sở cho ý kiến loại trừ trong báo cáo này, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Âu Lạc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi không đưa thêm ý kiến loại trừ nhưng muốn lưu ý người đọc tới thuyết minh 33, trình bày việc số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được điều chỉnh lại.

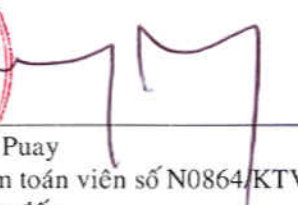
Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-326




Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2011

101 \ 00 \ 17

Công ty Cổ phần Âu Lạc
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ (điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		102.097.305.415	87.845.871.839
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	28.523.779.984	21.660.008.438
Tiền	111		20.523.012.631	21.660.008.438
Các khoản tương đương tiền	112		8.000.767.353	-
Đầu tư ngắn hạn	120	4	-	2.000.000.000
Các khoản phải thu	130	5	35.317.665.429	33.241.463.491
Phải thu thương mại	131		24.652.650.386	23.967.137.633
Trả trước cho người bán	132		399.892.642	2.773.636.724
Phải thu khác	135		10.265.122.401	6.500.689.134
Hàng tồn kho	140	6	34.678.333.366	25.825.607.518
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.577.526.636	5.118.792.392
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.548.193.731	1.646.033.442
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.820.120.302
Tài sản ngắn hạn khác	158		29.332.905	652.638.648
Tài sản dài hạn	200		667.702.485.837	711.325.059.711
Tài sản cố định	220		635.828.152.360	677.723.252.199
Tài sản cố định hữu hình	221	7	634.522.318.173	496.694.193.655
Nguyên giá	222		888.458.227.984	695.989.582.032
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(253.935.909.811)	(199.295.388.377)
Tài sản cố định vô hình	227	8	-	11.605.344
Nguyên giá	228		83.435.669	83.435.669
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.435.669)	(71.830.325)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.305.834.187	181.017.453.200
Đầu tư dài hạn	250	10	8.754.000.000	8.754.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		23.120.333.477	24.847.807.512
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	17.616.976.174	23.904.075.209
Tài sản thuế hoãn lại	262	12	912.357.303	912.357.303
Tài sản dài hạn khác	268		4.591.000.000	31.375.000
TỔNG TÀI SẢN	270		769.799.791.252	799.170.931.550

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		209.641.413.895	224.582.467.596
NỢ PHẢI TRẢ	310		93.032.349.583	69.379.834.621
Vay ngắn hạn	311	13	61.444.166.276	49.178.218.628
Phải trả thương mại	312		16.905.842.412	10.569.531.848
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	3.912.260.535	7.732.361.142
Phải trả công nhân viên	315		-	10.146.392
Chi phí phải trả	316		541.945.414	493.368.126
Phải trả khác	319	15	9.853.599.654	1.396.208.485
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	374.535.292	-
Nợ dài hạn	330		116.609.064.312	155.202.632.975
Vay dài hạn	334	17	116.315.481.792	155.096.266.132
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	293.582.520	106.366.843
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		560.158.377.357	574.588.463.954
Vốn chủ sở hữu	410		560.158.377.357	573.778.720.142
Vốn cổ phần	411	19	253.779.820.000	253.779.820.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		254.725.820.000	254.725.820.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	20	(8.575.644.732)	(131.672.566)
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	1.586.997.845	1.586.997.845
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	19.691.958.422	16.631.094.652
Lợi nhuận chưa phân phối	420		38.949.425.822	47.186.660.211
Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		-	809.743.812
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	809.743.812
TỔNG NGUỒN VỐN	440		769.799.791.252	799.170.931.550

Người lập:



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

ngày 21 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Doanh thu thuần	01	22	448.250.485.207	302.454.023.047
Giá vốn hàng bán	11	23	(343.412.164.388)	(209.272.320.548)
Lợi nhuận gộp	20		104.838.320.819	93.181.702.499
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.160.975.696	6.192.397.575
Chi phí tài chính	22	25	(17.189.876.321)	(8.217.878.362)
Chi phí bán hàng	24		(3.551.412.227)	(3.276.394.938)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(14.899.068.582)	(15.354.901.945)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.358.939.385	72.524.924.829
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		1.547.939.427	1.871.916.666
Chi phí khác	32		(1.885.290.212)	(609.135.995)
Lợi nhuận trước thuế	50		73.021.588.600	73.787.705.500
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	26	(10.880.313.204)	(9.071.263.420)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	26	-	912.357.303
Lợi nhuận thuần	60		62.141.275.396	65.628.799.383
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.449	2.586

Người lập:



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

ngày 21 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chứa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	253.779.820.000	254.725.820.000	-	1.586.997.845	13.192.892.555	39.426.588.602	562.712.119.002	1.337.126.834	564.049.245.836
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – đã báo cáo trước đây</i>	-	-	-	-	-	69.688.041.936	69.688.041.936	-	69.688.041.936
<i>Điều chỉnh năm trước (thuyết minh 33)</i>	-	-	-	-	-	(4.059.242.553)	(4.059.242.553)	-	(4.059.242.553)
Lợi nhuận thuần trong năm – điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	65.628.799.383	65.628.799.383	-	65.628.799.383
Thù lao và thưởng (*)	-	-	-	-	-	(924.000.000)	(924.000.000)	-	(924.000.000)
Trích vào các quỹ	-	-	-	-	3.438.202.097	(6.188.763.774)	(2.750.561.677)	2.750.561.677	-
Cổ tức (thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(50.755.964.000)	(50.755.964.000)	-	(50.755.964.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(3.277.944.699)	(3.277.944.699)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(131.672.566)	-	-	-	(131.672.566)	-	(131.672.566)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010 – điều chỉnh lại	253.779.820.000	254.725.820.000	(131.672.566)	1.586.997.845	16.631.094.652	47.186.660.211	573.778.720.142	809.743.812	574.588.463.954
Phân loại sang nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	-	(809.743.812)	(809.743.812)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	62.141.275.396	62.141.275.396	-	62.141.275.396
Thù lao và thưởng (*)	-	-	-	-	-	(1.424.000.000)	(1,424,000,000)	-	(1,424,000,000)
Trích vào các quỹ	-	-	-	-	3,060,863,770	(3,060,863,770)	-	-	-
Trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(2,448,691,015)	(2,448,691,015)	-	(2,448,691,015)
Cổ tức (thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(63,444,955,000)	(63,444,955,000)	-	(63,444,955,000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 20)	-	-	(8,443,972,166)	-	-	-	(8,443,972,166)	-	(8,443,972,166)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	253.779.820.000	254.725.820.000	(8.575.644.732)	1.586.997.845	19.691.958.422	38.949.425.822	560.158.377.357	-	560.158.377.357

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

- (*) Các khoản thù lao và thưởng bao gồm thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành Công ty. Việc chi trả này được các cổ đông của Công ty thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ đông, chi tiết như sau:

	2010 VND	2009 VND
Thù lao	924.000.000	924.000.000
Thưởng	500.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	1.424.000.000	924.000.000

Người lập:



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

ngày 21 tháng 4 năm 2011

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	73.021.588.600	73.787.705.500
Điều chỉnh cho			
Khấu hao và phân bổ	02	68.012.521.977	53.405.635.237
Các khoản dự phòng	03	241.703.623	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	112.365.612	3.513.390.544
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05	32.838.279	-
Lãi và cổ tức	06	(2.417.007.688)	(1.180.496.519)
Chi phí lãi vay	07	11.741.958.041	3.214.143.083
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	150.745.968.444	132.740.377.845
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(127.217.757)	(7.027.148.344)
Biến động hàng tồn kho	10	(5.894.957.848)	(13.572.078.197)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	7.202.136.278	1.958.512.426
Biến động khoản trả trước	12	(1.902.160.289)	(4.250.411.102)
		150.023.768.828	109.849.252.628
Lãi vay đã trả	13	(11.741.958.041)	(3.214.143.083)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(15.622.195.647)	(2.260.476.931)
Các khoản thanh toán khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.307.899.535)	(4.201.944.699)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20	118.351.715.605	100.172.687.915
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(23.168.202.109)	(186.883.513.318)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22	347.272.727	-
Tiền lãi và cổ tức nhận được	27	1.351.674.353	1.180.496.519
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(21.469.255.029)	(185.703.016.799)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	2010 VND	2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền nhận được từ các khoản vay	33	31.900.757.613	147.108.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(66.760.561.985)	(39.339.102.364)
Tiền trả cổ tức	36	(55.158.884.658)	(50.755.964.000)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40	(90.018.689.030)	57.012.933.636
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.863.771.546	(28.517.395.248)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	21.660.008.438	49.804.805.260
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	-	372.598.426
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (thuyết minh 3)	70	28.523.779.984	21.660.008.438

Người lập:



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

ngày 21 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải biển quốc tế và nội địa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 234 nhân viên (31/12/2009: 208 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Trong năm 2009, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái mà theo đó các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại vào cuối kỳ các khoản tài sản và nợ phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phép hoãn lại.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Công ty thay đổi chính sách kế toán chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (“VAS 10”).

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa	25 năm
▪ Tàu biển	15 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh chi phí trung tu và đại tu tàu biển. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 đến 36 tháng.

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(p) Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm ẩn khả năng bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 2009.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê (nếu có) được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	461.749.556	919.793.296
Tiền gửi ngân hàng	20.061.263.075	20.740.215.142
Các khoản tương đương tiền	8.000.767.353	-
	<hr/>	<hr/>
	28.523.779.984	21.660.008.438

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số ngoại tệ xấp xỉ 15.903 triệu VND (31/12/2009: 10.863 triệu VND).

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

4. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000

Khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo và trong năm hưởng lãi suất năm là 12% (2009: 12%). Khoản cho vay ngắn hạn là cho một công ty cổ phần vay và dự kiến sẽ được chuyển thành vốn cổ phần của công ty này nếu các điều kiện cụ thể được đáp ứng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, do các điều kiện cụ thể không được đáp ứng, khoản cho vay ngắn hạn này được chuyển sang khoản phải thu khác để phản ánh đúng bản chất của khoản cho vay này.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Bồi thường từ bảo hiểm	4.112.896.163	4.085.284.538
Khoản cho vay phải thu	2.000.000.000	-
Lãi phải thu	1.065.333.335	-
Phải thu khác	3.086.892.903	2.415.404.596
	<hr/>	<hr/>
	10.265.122.401	6.500.689.134

6. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công cụ và dụng cụ	19.670.538.646	10.555.191.545
Dầu và nhiên liệu	15.007.794.720	15.270.415.973
	<hr/>	<hr/>
	34.678.333.366	25.825.607.518

Công ty Cổ phần Âu Lạc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Tàu biển VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	12.399.011.818	680.543.445.531	1.757.458.845	1.289.665.838	695.989.582.032
Tăng trong năm	-	-	483.044.545	-	483.044.545
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	192.772.037.907	-	-	192.772.037.907
Thanh lý	-	-	(786.436.500)	-	(786.436.500)
Số dư cuối năm	12.399.011.818	873.315.483.438	1.454.066.890	1.289.665.838	888.458.227.984
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.322.560.000	196.150.518.035	1.036.338.739	785.971.603	199.295.388.377
Khấu hao trong năm	495.960.000	54.137.259.484	226.837.750	186.789.694	55.046.846.928
Thanh lý	-	-	(406.325.494)	-	(406.325.494)
Số dư cuối năm	1.818.520.000	250.287.777.519	856.850.995	972.761.297	253.935.909.811
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	11.076.451.818	484.392.927.496	721.120.106	503.694.235	496.694.193.655
Số dư cuối năm	10.580.491.818	623.027.705.919	597.215.895	316.904.541	634.522.318.173

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có các tài sản có nguyên giá 51.628 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2009: 51.337 triệu VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ 318.892 triệu VNĐ (31/12/2009: 219.377 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	83.435.669
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	71.830.325
Khấu hao trong năm	11.605.344
Số dư cuối năm	83.435.669
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	11.605.344
Số dư cuối năm	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có các tài sản với nguyên giá 83 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2009: 34 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Số dư đầu năm	181.017.453.200	-
Tăng trong năm	22.685.157.564	186.140.238.337
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(192.772.037.907)	(4.105.027.890)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(6.666.970.670)	(1.017.757.247)
Chuyển sang hàng tồn kho	(2.957.768.000)	-
Số dư cuối năm	1.305.834.187	181.017.453.200

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 180.902 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

10. Đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn thể hiện giá trị đầu tư vốn vào các công ty khác. Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty được đầu tư.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đại tu VND
Số dư đầu năm (điều chỉnh lại – thuyết minh 33)	23.904.075.209
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.666.970.670
Phân bổ trong năm	(12.954.069.705)
Số dư cuối năm	17.616.976.174

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

12. Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
Chi phí trả trước dài hạn	912.357.303	912.357.303
	<u>912.357.303</u>	<u>912.357.303</u>

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn	18.494.576.708	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 17)	42.949.589.568	49.178.218.628
	<u>61.444.166.276</u>	<u>49.178.218.628</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (trên tháng)	Năm đáo hạn	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Khoản vay ngân hàng 1	USD	0.5083%	4/2011	2.499.024.000	-
Khoản vay ngân hàng 2	USD	0.5083%	5/2011	7.111.370.364	-
Khoản vay ngân hàng 3	USD	0.5083%	5/2011	3.183.504.402	-
Khoản vay ngân hàng 4	USD	0.5083%	6/2011	5.700.677.942	-
				<u>18.494.576.708</u>	<u>-</u>

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 10.580 triệu VNĐ (31/12/2009: không có).



Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	136.407.058	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.884.302.719	7.626.185.162
Thuế thu nhập cá nhân	891.550.758	105.944.936
Các thuế khác	-	231.044
	<hr/>	<hr/>
	3.912.260.535	7.732.361.142

15. Các khoản phải trả khác

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Cổ tức sẽ thanh toán	8.895.420.842	609.350.500
Chi phí hoa hồng phải trả	813.450.640	579.728.453
Phải trả khác	144.728.172	207.129.532
	<hr/>	<hr/>
	9.853.599.654	1.396.208.485

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ theo tỷ lệ 4% từ lợi nhuận thuần sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được lập nhằm mục đích thanh toán các hoạt động phúc lợi cũng như khen thưởng cho nhân viên Công ty. Biến động quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

	VNĐ
Phân loại lại từ vốn chủ sở hữu	809.743.812
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.448.691.015
Sử dụng quỹ	(2.883.899.535)
	<hr/>
Số dư cuối năm	374.535.292

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

17. Vay dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngân hàng		
Khoản vay 1 (a)	-	16.699.698.092
Khoản vay 2 (b)	29.891.356.160	40.466.786.668
Khoản vay 3 (c)	129.373.715.200	147.108.000.000
	<hr/>	<hr/>
	159.265.071.360	204.274.484.760
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (thuyết minh 13)	(42.949.589.568)	(49.178.218.628)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau mười hai tháng	116.315.481.792	155.096.266.132
	<hr/>	<hr/>

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 308.312 triệu VND (31/12/2009: 400.279 triệu VND).

- a. Khoản vay này chịu mức lãi suất năm là mức cao hơn giữa mức lãi suất 6 tháng của Liên Ngân hàng Singapore (“SIBOR”) cộng 2.2% và 4%. Lãi suất thực tế trong năm là 4% (2009: 4% đến 5.3%). Khoản vay này đã được hoàn trả hết.
- b. Khoản vay này chịu mức lãi suất năm là mức cao hơn giữa mức lãi suất 6 tháng SIBOR cộng 2.4% và 4%. Lãi suất thực tế trong năm là 4% (2009: 4% đến 5%). Khoản vay được hoàn trả hàng quý theo lịch hoàn trả sau:

	Số tiền VND
2011	17.080.904.768
2012	12.810.451.392
	<hr/>
	29.891.356.160
	<hr/>

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

- c. Khoản vay này chịu mức lãi suất năm là 6.5% cho 3 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, và sẽ được điều chỉnh trên cơ sở hàng quý. Lãi suất năm thực tế trong năm từ 6% đến 9.1% (2009: 6.5%). Khoản vay được hoàn trả hàng quý theo lịch hoàn trả như sau:

	Số tiền VND
2011	25.868.684.800
2012	25.868.684.800
2013	25.868.684.800
2014	25.868.684.800
2015	25.898.976.000
	<hr/>
	129.373.715.200
	<hr/>

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	VND
Số dư đầu năm	106.366.843
Dự phòng trích lập trong năm	241.703.623
Đã trả nhân viên	(54.487.946)
	<hr/>
Số dư cuối năm	293.582.520
	<hr/>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đóng 92 triệu VND (31/12/2009: 71 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã đăng ký và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần đăng ký	28.922.160	289.221.600.000	28.922.160	289.221.600.000
<hr/>				
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	25.377.982	253.779.820.000	25.377.982	253.779.820.000
<hr/>				

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	(131.672.566)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần	(8.443.972.166)	(131.672.566)
<hr/>		
Số dư cuối năm	(8.575.644.732)	(131.672.566)
<hr/>		

Công ty đã ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại vào cuối năm các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc vốn chủ sở hữu. Hội đồng quản trị đánh giá rằng Công ty có thể kiểm soát được rủi ro biến động tỷ giá vì Công ty có nguồn thu tương lai bằng USD từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Nguồn thu này sẽ được dùng để thanh toán các khoản vay dài hạn. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện này có thể được bù đắp bằng lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trên nguồn thu USD trong tương lai.

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

21. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Theo Điều lệ Công ty, Công ty đã trích lập theo tỷ lệ 1% từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ Đầu tư Phát triển nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai và trình bày khoản trích lập này là Quỹ Đầu tư Phát triển thuộc phần vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty đã ngừng việc trích lập này kể từ năm 2008 theo Điều lệ được điều chỉnh của Công ty. Công ty vẫn chưa sử dụng nguồn quỹ này. Các quỹ này có thể được phân phối.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập theo tỷ lệ 5% từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích trang trải những thua lỗ về tài chính phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty vẫn chưa sử dụng nguồn quỹ dự phòng này. Quỹ dự phòng này có thể được phân phối.

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện giá trị các dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu vận tải biển quốc tế	285.637.626.900	259.400.424.842
Doanh thu vận tải biển nội địa	92.067.029.078	29.438.302.910
Các khoản khác	70.545.829.229	13.615.295.295
	<hr/>	<hr/>
	448.250.485.207	302.454.023.047

23. Giá vốn hàng bán

	2010 VNĐ	2009 VNĐ (điều chỉnh lại)
Dịch vụ đã cung cấp	276.446.247.414	196.553.193.950
Thuê tàu	66.965.916.974	12.719.126.598
	<hr/>	<hr/>
	343.412.164.388	209.272.320.548

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền gửi	2.337.629.688	1.035.018.519
Cổ tức	79.378.000	145.478.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.743.968.008	5.011.901.056
	<hr/>	<hr/>
	4.160.975.696	6.192.397.575

25. Chi phí tài chính

	2010 VND	2009 VND
Chi phí lãi vay	11.741.958.041	3.214.143.083
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.447.918.280	5.003.735.279
	<hr/>	<hr/>
	17.189.876.321	8.217.878.362

26. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	10.880.313.204	9.071.263.420
Lợi ích thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	(912.357.303)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	10.880.313.204	8.158.906.117

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận trước thuế	73.021.588.600	73.787.705.500
Thuế tính theo thuế suất áp dụng	18.255.397.150	18.446.926.375
Ưu đãi thuế	(7.435.608.534)	(10.639.493.276)
Ảnh hưởng chi phí không được khấu trừ thuế	80.369.088	376.931.668
Ảnh hưởng thu nhập không bị tính thuế	(19.844.500)	(25.458.650)
	10.880.313.204	8.158.906.117

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định liên quan về thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất sau:

- 20% trên lợi nhuận tính thuế từ dịch vụ vận tải biển trong 8 năm từ năm 2004 đến năm 2011; và
- 25% trên lợi nhuận tính thuế từ các dịch vụ khác.

Các quy định về thuế hiện hành cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh của 2 tàu biển trong 1 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo cụ thể như sau:

- Tàu biển Âu Lạc Angel: miễn thuế trong năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2007 đến năm 2010. và;
- Tàu biển Âu Lạc Venus: miễn thuế trong năm 2008 và giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2012.

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình đang lưu hành, được tính như sau:

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	62.141.275.396	65.628.799.383
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	62.141.275.396	65.628.799.383

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình

	2010	2009
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	25.377.982	25.377.982
Số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình cuối năm	25.377.982	25.377.982

28. Cổ tức

Trong năm 2010 tại Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông của Công ty đã thống nhất quyết định phân phối số cổ tức trị giá 63.444.955.000 VND (2009: 50.755.964.000 VND) như sau:

	2010 VND	2009 VND
Cổ tức đợt cuối năm 2009/2008	38.066.973.000	12.688.991.000
Cổ tức tạm tính năm 2010/2009	25.377.982.000	38.066.973.000
	63.444.955.000	50.755.964.000

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	2010 VND	2009 VND
Thành viên của Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.442.000.000	1.885.269.230
Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao và thưởng	1.364.000.000	924.000.000

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

30. Cam kết thuê và cho thuê lại

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	27.262.080.000
Từ hai đến năm năm	98.777.720.000
	<hr/>
	126.039.800.000

Đồng thời Công ty cũng có hợp đồng cho thuê lại không hủy ngang tài sản trên, theo đó thu nhập tiền thuê tối thiểu nhận được từ tài sản này trong tương lai là:

	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	29.533.920.000
Từ hai đến năm năm	111.130.840.000
	<hr/>
	140.664.760.000

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí dịch vụ	125.127.352.707	65.696.601.759
Chi phí nhân công	32.938.113.062	29.349.766.765
Chi phí khấu hao và phân bổ	68.012.521.977	53.405.635.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.025.392.928	62.935.232.525
Chi phí khác	7.759.264.523	3.797.254.547
	<hr/>	<hr/>

32. Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các tài sản tiền tệ có gốc ngoại tệ tương đương 1.241.086 USD và nợ phải trả tiền tệ có gốc ngoại tệ tương đương 9.600.006 USD dẫn đến một khoản nợ phải trả thuần tương đương 8.358.920 USD. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, giá trị Đồng Việt Nam giảm so với Đô la Mỹ 9% từ 18.932 VNĐ/USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thành 20.703 VNĐ/USD. Một khoản nợ phải trả thuần kết hợp với việc giảm giá đáng kể Đồng Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

33. Điều chỉnh hồi tố số đầu kỳ

Năm 2009, Công ty đã không phân bổ chi phí trả trước dài hạn theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian hữu dụng ước tính. Năm 2010, Công ty đã điều chỉnh sai sót này bằng cách phân bổ hồi tố chi phí trả trước dài hạn và ghi nhận chi phí phân bổ bổ sung là 4.971.599.856 VNĐ vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Tài sản thuế hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được ghi nhận tương ứng là 912.357.303 VNĐ. Ảnh hưởng thuần của những điều chỉnh này là làm giảm lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 một khoản 4.059.242.553 VNĐ.

Ảnh hưởng lên số dư đầu năm và số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày như sau:

Cân đối kế toán	31/12/2009 (báo cáo trước đây) VNĐ	Điều chỉnh năm trước VNĐ	31/12/2009 (điều chỉnh lại) VNĐ
Chi phí trả trước dài hạn	28.875.675.065	(4.971.599.856)	23.904.075.209
Tài sản thuế hoãn lại	-	912.357.303	912.357.303
Lợi nhuận chưa phân phối	51.245.902.764	(4.059.242.553)	47.186.660.211

Kết quả hoạt động kinh doanh	2009 (báo cáo trước đây) VNĐ	Điều chỉnh năm trước VNĐ	2009 (điều chỉnh lại) VNĐ
Giá vốn hàng bán	(204.300.720.692)	(4.971.599.856)	(209.272.320.548)
Thu nhập thuế hoãn lại	-	912.357.303	912.357.303
Lợi nhuận thuần	69.688.041.936	(4.059.242.553)	65.628.799.383

Người lập:

Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

ngày 21 tháng 4 năm 2011